

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học Kỳ 1 - Năm Học 2026-2027

Môn học/Nhóm
CBGD

Giáo dục quốc phòng và an ninh - CCQ2603A
Trương Xuân Hùng

Số tín chỉ: 5

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
1	2126030030	Hoàng Ngọc	Anh	26/08/2008	CCQ2603A	6.0	6.6	6.0	8.7	9	7.7	
2	2126030167	Lâm Quốc	Anh	10/08/2008	CCQ2603A	9.3	7.3	6.5	10	10	9.0	
3	2126030040	Đặng Gia	Bảo	15/08/2008	CCQ2603A	8.7	7.3	6.5	10	10	8.9	
4	2126030025	Tăng Gia	Bảo	11/10/2008	CCQ2603A	7.8	7.3	4.0	5.3	9	6.8	
5	2126030032	Võ Quốc	Bảo	30/10/2008	CCQ2603A	7.6	6.5	6.5	7.7	9	7.7	
6	2126030056	Trần Ngọc Thanh	Bình	23/10/2008	CCQ2603A	7.8	7.5	4.0	9.7	9	8.1	
7	2126030039	Nguyễn Minh	Chiên	28/06/2008	CCQ2603A	6.0	7.3	6.0	9	8	7.6	
8	2126030180	Phạm Duy	Chung	13/04/2007	CCQ2603A	7.0	3.7	7.5	6.7	9	7.1	
9	2126030173	Liu Chánh	Cường	02/04/2008	CCQ2603A	7.6	7.3	6.5	8	9	7.9	
10	2126030041	Nguyễn Văn	Cường	12/08/2008	CCQ2603A	7.0	7.7	7.5	8.3	8	7.8	
11	2126030009	Trần Đăng Hải	Đăng	03/09/2008	CCQ2603A	7.8	7.0	4.0	8.3	9	7.6	
12	2126030031	Mai Nguyên Phát	Đạt	10/06/2008	CCQ2603A	7.3	6.8	8.0	6	8	7.2	
13	2126030036	Nguyễn Thành	Đạt	01/11/2008	CCQ2603A	6.6	6.5	5.0	10	10	8.3	
14	2126030035	Bê Văn	Đoàn	28/04/2008	CCQ2603A	6.3	7.3	7.0	9.7	9	8.3	
15	2126030081	Phan Anh	Đức	14/03/2008	CCQ2603A	8.3	7.3	6.5	4.3	8	6.7	
16	2126030044	Bùi Tiên	Dũng	15/06/2008	CCQ2603A	7.6	7.7	6.5	7.7	9	7.9	
17	2126030071	Đoàn Văn	Dũng	02/01/2008	CCQ2603A	8.3	6.8	6.5	8	9	7.9	
18	2126030014	Đặng Thái	Duy	10/08/2008	CCQ2603A	8.3	7.5	8.0	10	10	9.1	
19	2126030073	Nguyễn Khắc	Duy	13/12/2008	CCQ2603A	8.3	6.8	6.5	9.7	9	8.4	
20	2126030027	Trần Nhật	Duy	23/10/2008	CCQ2603A	6.0	7.5	6.0	8	9	7.6	
21	2126030061	Nguyễn Thành	Hải	19/03/2008	CCQ2603A	5.6	7.5	5.0	8.7	9	7.6	
22	2126030019	Lê Trung	Hậu	18/08/2008	CCQ2603A	7.8	8.0	4.0	9.3	9	8.1	
23	2126030062	Nguyễn Thê	Hiên	02/01/2008	CCQ2603A	8.7	7.1	6.5	8.3	9	8.1	
24	2126030074	Vý Quang	Hiệp	05/07/2008	CCQ2603A	6.3	8.2	7.0	5	9	7.1	
25	2126030178	Trần Ngọc	Hiệu	13/11/2008	CCQ2603A	7.8	6.5	0.0	8.3	8	6.7	
26	2126030005	Lê Thái	Hoà	19/06/2007	CCQ2603A	8.6	5.8	6.5	10	10	8.7	
27	2126030177	Lê Quang Đại	Hoàng	23/07/2008	CCQ2603A	7.0	7.5	7.5	8.7	8	7.9	
28	2126030080	Nguyễn Việt	Hoàng	30/12/2008	CCQ2603A	7.8	3.4	4.0	8.7	9	7.2	
29	2126030034	Trương Phi	Hoàng	05/09/2008	CCQ2603A	8.3	7.5	6.5	9.3	9	8.4	
30	2126030055	Lại Đăng	Hung	28/04/2008	CCQ2603A	9.7	8.2	6.5	10	10	9.2	
31	2126030079	Đàm Gia	Huy	24/07/2008	CCQ2603A	8.3	7.0	6.5	9	9	8.3	
32	2126030026	Võ Phan Đức	Huy	16/10/2008	CCQ2603A	7.8	8.2	4.0	8.7	9	7.9	
33	2126030003	Võ Văn	Huy	01/06/2008	CCQ2603A	6.0	7.5	6.0	9.3	9	8.0	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
34	2126030165	Trần Triệu	Hy	25/02/2008	CCQ2603A	8.3	7.1	6.5	8.7	9	8.2	
35	2126030067	Phan Minh	Kha	21/09/2007	CCQ2603A	5.6	7.1	5.0	8	9	7.4	
36	2126030069	Trần Quang	Khải	14/04/2008	CCQ2603A	8.7	6.3	6.5	9	9	8.2	
37	2126030010	Trần Võ Gia	Khang	25/10/2008	CCQ2603A	6.3	6.1	7.0	9	9	7.9	
38	2126030042	Bùi Ngọc Bảo	Khanh	12/07/2008	CCQ2603A	8.7	7.0	6.5	8.7	9	8.2	
39	2126030168	Đoàn Phạm Ngọc Đăng	Khoa	10/10/2008	CCQ2603A	7.6	6.3	6.5	8.7	9	8.0	
40	2126030179	Nguyễn Hoàng	Khuong	21/05/2007	CCQ2603A	6.0	3.2	6.0	9.7	9	7.5	
41	2126030053	Nguyễn Anh	Kiệt	19/07/2006	CCQ2603A	7.3	8.3	8.0	7.7	8	7.9	
42	2126030166	Nguyễn Chí	Kiệt	22/02/2008	CCQ2603A	8.8	8.0	4.0	10	10	8.7	
43	2126030028	Phạm Tuấn	Kiệt	20/07/2008	CCQ2603A	7.3	7.1	8.0	7.3	8	7.6	
44	2126030068	Võ Hoàng Anh	Kiệt	14/05/2008	CCQ2603A	5.6	8.0	5.0	8.3	9	7.6	
45	2126030163	Đậu Quang	Linh	02/03/2008	CCQ2603A	7.6	7.0	6.5	8.7	9	8.1	
46	2126030174	Đô Thành	Lộc	22/01/2008	CCQ2603A	7.6	6.0	6.5	8	9	7.7	
47	2126030190	Lê Thành	Lộc	03/12/2008	CCQ2603A	7.6	6.8	6.5	8.7	9	8.0	
48	2126030047	Phạm Cát Tân	Lộc	15/08/2008	CCQ2603A	7.0	7.8	7.5	7	9	7.8	
49	2126030006	Hồ Minh	Luân	10/11/2008	CCQ2603A	5.6	6.1	5.0	10	10	8.1	
50	2126030051	Nguyễn Thanh	Luân	28/03/2008	CCQ2603A	7.3	7.8	8.0	6.7	8	7.5	
51	2126030175	Thông Thái	Luân	20/07/2008	CCQ2603A	5.0	2.1	6.0	9	8	6.7	
52	2126030013	Tạ Trung	Lương	20/12/2007	CCQ2603A	8.0	7.7	7.5	10	10	9.0	
53	2126030017	Lê Vũ Hoài	Nam	05/12/2008	CCQ2603A	0.0	0.0	0.0	0	0	0.0	
54	2126030181	Trần Nhật	Nam	16/05/2008	CCQ2603A	7.0	3.2	7.5	5.3	8	6.3	
55	2126030001	Nguyễn Tiên	Nghĩa	05/06/2005	CCQ2603A	6.3	8.2	7.0	9	9	8.2	
56	2126030054	Nguyễn Duy	Nguyên	06/07/2008	CCQ2603A	6.3	7.5	7.0	10	9	8.4	
57	2126030004	Nguyễn Duy	Nhật	28/06/2005	CCQ2603A	6.3	7.1	7.0	9	9	8.1	
58	2126030070	Trần Minh	Nhật	18/10/2006	CCQ2603A	8.7	7.0	6.5	8.3	9	8.1	
59	2126030033	Lê Minh	Nhựt	30/06/2008	CCQ2603A	7.6	6.8	6.5	8	9	7.8	
60	2126030018	Mai Anh	Nhựt	09/01/2008	CCQ2603A	5.6	6.6	5.0	9.3	9	7.7	
61	2126030052	Nguyễn Đại	Phát	27/12/2006	CCQ2603A	0.0	0.0	0.0	0	0	0.0	
62	2126030191	Võ Tân	Phát	10/04/2008	CCQ2603A	8.7	7.1	6.5	4.7	9	7.1	
63	2126030077	Chu Xuân	Phú	20/05/2008	CCQ2603A	7.3	7.3	7.0	10	10	8.8	
64	2126030059	Hồ Ngọc	Phú	11/06/2008	CCQ2603A	8.7	6.8	6.5	7.7	9	7.9	
65	2126030049	Nguyễn Trường	Phú	29/04/2008	CCQ2603A	0.0	0.0	0.0	0	0	0.0	
66	2126030066	Nguyễn Văn	Quat	19/09/2008	CCQ2603A	7.6	6.5	6.5	2.3	9	6.2	
67	2126030024	Phạm Lê Duy	Quyên	03/03/2008	CCQ2603A	7.0	7.1	6.0	10	10	8.6	
68	2126030007	Tạ Đức	Quyên	31/12/2008	CCQ2603A	5.6	7.5	5.0	8.7	8	7.4	
69	2126030048	Đô Ngọc	Quyết	10/10/2008	CCQ2603A	6.0	7.0	6.0	8.7	9	7.8	
70	2126030176	Trần Duy	Ren	18/09/2008	CCQ2603A	7.0	7.3	7.5	4.3	9	6.9	
71	2126030037	Cao Hữu	Sang	21/10/2007	CCQ2603A	6.0	6.5	6.0	9.3	9	7.9	
72	2126030050	Trần Tân	Sang	23/07/2008	CCQ2603A	5.6	6.8	5.0	8.7	8	7.3	
73	2126030072	Nguyễn Trường	Sơn	02/01/2008	CCQ2603A	8.3	7.3	6.5	5	9	7.2	
74	2126030172	Phan Thanh	Sơn	05/02/2008	CCQ2603A	7.6	6.5	6.5	9	9	8.1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
75	2126030171	Phạm Châu Hữu	Thăng	09/08/2007	CCQ2603A	6.3	2.8	8.0	9.3	9	7.7	
76	2126030169	Phạm Hoàng	Thiên	11/11/2008	CCQ2603A	7.0	6.8	7.5	5	8	6.8	
77	2126030022	Lê Phước	Thiện	21/09/2008	CCQ2603A	5.6	8.2	5.0	10	8	7.8	
78	2126030164	Trần Minh	Tiên	08/10/2008	CCQ2603A	7.8	7.1	4.0	8.3	9	7.6	
79	2126030058	Nguyễn Đức	Tín	17/12/2008	CCQ2603A	6.0	7.3	6.0	9.7	8	7.8	
80	2126030043	Nguyễn Thành	Tín	17/06/2008	CCQ2603A	6.0	7.5	6.0	7.3	8	7.2	
81	2126030029	Võ Đăng	Trí	03/07/2007	CCQ2603A	7.0	6.5	7.5	10	9	8.4	
82	2126030057	Nguyễn Văn	Trực	22/09/2008	CCQ2603A	7.8	5.4	4.0	8.7	8	7.2	
83	2126030012	Lê Nguyễn Quốc	Trung	25/02/2008	CCQ2603A	6.3	4.3	8.0	7	8	6.9	
84	2126030023	Nguyễn Hoàng Nhựt	Trung	10/06/2008	CCQ2603A	5.6	7.0	5.0	8.7	9	7.6	
85	2126030076	Lưu Thành	Trưởng	12/08/2008	CCQ2603A	6.3	7.3	7.0	9	9	8.1	
86	2126030075	Mai Anh	Tuân	03/01/2008	CCQ2603A	6.3	7.3	7.0	7.7	9	7.7	
87	2126030015	Nguyễn Đô Nhật	Tuân	11/08/2008	CCQ2603A	8.3	7.1	6.5	5.7	9	7.3	
88	2126030162	Phạm Anh	Tuân	04/06/2008	CCQ2603A	7.8	6.1	4.0	9.3	9	7.8	
89	2126030016	Nguyễn Thanh	Tùng	05/08/2008	CCQ2603A	7.8	3.1	4.0	8.3	9	7.1	
90	2126030065	Huỳnh Thanh	Tường	09/07/2008	CCQ2603A	7.0	7.0	7.5	9	9	8.2	
91	2126030038	Nguyễn Hoàng	Việt	29/02/2008	CCQ2603A	6.3	8.0	7.0	9.3	9	8.3	
92	2126030011	Nguyễn Quốc	Việt	21/09/2007	CCQ2603A	8.7	5.4	6.5	8.7	9	8.0	
93	2126030060	Nguyễn Công	Vinh	30/11/2008	CCQ2603A	7.3	7.6	8.0	6.3	8	7.4	
94	2126030021	Nguyễn Hồng Hoàng	Vinh	07/11/2008	CCQ2603A	6.3	7.0	7.0	9	9	8.0	
95	2126030020	Bùi Anh	Vũ	03/04/2008	CCQ2603A	6.0	7.0	6.0	5	8	6.4	
96	2126030063	Nguyễn Công	Vũ	17/11/2008	CCQ2603A	8.7	7.1	6.5	8.3	9	8.1	
97	2126030046	Nguyễn Huỳnh Lê	Vũ	26/09/2008	CCQ2603A	5.6	7.5	5.0	8.7	8	7.4	

TP.HCM , ngày 18 tháng 09 năm 2026
GIẢNG VIÊN

Trương Xuân Hùng

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC - HỌC PHẦN

Học Kỳ 1 - Năm Học 2026-2027

Môn học/Nhóm
CBGD

Giáo dục quốc phòng và an ninh - CCQ2600A
Trương Xuân Hùng

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
1	2126030030	Hoàng Ngọc	Anh	26/08/2008	CCQ2603A	7.7	6.2	6.8
2	2126030167	Lâm Quốc	Anh	10/08/2008	CCQ2603A	9.0	7.4	8.0
3	2126030040	Đặng Gia	Bảo	15/08/2008	CCQ2603A	8.9	6.6	7.5
4	2126030025	Tăng Gia	Bảo	11/10/2008	CCQ2603A	6.8	5.8	6.2
5	2126030032	Võ Quốc	Bảo	30/10/2008	CCQ2603A	7.7	6.0	6.7
6	2126030056	Trần Ngọc Thanh	Bình	23/10/2008	CCQ2603A	8.1	6.6	7.2
7	2126030039	Nguyễn Minh	Chiến	28/06/2008	CCQ2603A	7.6	5.4	6.3
8	2126030180	Phạm Duy	Chung	13/04/2007	CCQ2603A	7.1	7.0	7.0
9	2126030173	Liu Chánh	Cường	02/04/2008	CCQ2603A	7.9	7.2	7.5
10	2126030041	Nguyễn Văn	Cường	12/08/2008	CCQ2603A	7.8	5.6	6.5
11	2126030009	Trần Đặng Hải	Đặng	03/09/2008	CCQ2603A	7.6	6.4	6.9
12	2126030031	Mai Nguyễn Phát	Đạt	10/06/2008	CCQ2603A	7.2	6.8	6.9
13	2126030036	Nguyễn Thành	Đạt	01/11/2008	CCQ2603A	8.3	5.6	6.7
14	2126030035	Bê Văn	Đoàn	28/04/2008	CCQ2603A	8.3	7.0	7.5
15	2126030081	Phan Anh	Đức	14/03/2008	CCQ2603A	6.7	4.6	5.4
16	2126030044	Bùi Tiến	Dũng	15/06/2008	CCQ2603A	7.9	5.2	6.3
17	2126030071	Đoàn Văn	Dũng	02/01/2008	CCQ2603A	7.9	6.2	6.9
18	2126030014	Đặng Thái	Duy	10/08/2008	CCQ2603A	9.1	6.6	7.6
19	2126030073	Nguyễn Khắc	Duy	13/12/2008	CCQ2603A	8.4	4.6	6.1
20	2126030027	Trần Nhật	Duy	23/10/2008	CCQ2603A	7.6	7.0	7.3
21	2126030061	Nguyễn Thành	Hải	19/03/2008	CCQ2603A	7.6	6.2	6.8
22	2126030019	Lê Trung	Hậu	18/08/2008	CCQ2603A	8.1	6.4	7.1
23	2126030062	Nguyễn Thế	Hiền	02/01/2008	CCQ2603A	8.1	6.8	7.3
24	2126030074	Vy Quang	Hiệp	05/07/2008	CCQ2603A	7.1	5.2	5.9
25	2126030178	Trần Ngọc	Hiếu	13/11/2008	CCQ2603A	6.7	5.4	5.9
26	2126030005	Lê Thái	Hoà	19/06/2007	CCQ2603A	8.7	6.8	7.6

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
27	2126030177	Lê Quang Đại	Hoàng	23/07/2008	CCQ2603A	7.9	5.0	6.2
28	2126030080	Nguyễn Việt	Hoàng	30/12/2008	CCQ2603A	7.2	8.0	7.7
29	2126030034	Trương Phi	Hoàng	05/09/2008	CCQ2603A	8.4	6.0	7.0
30	2126030055	Lại Đăng	Hưng	28/04/2008	CCQ2603A	9.2	6.4	7.5
31	2126030079	Đàm Gia	Huy	24/07/2008	CCQ2603A	8.3	6.0	6.9
32	2126030026	Võ Phan Đức	Huy	16/10/2008	CCQ2603A	7.9	5.6	6.5
33	2126030003	Võ Văn	Huy	01/06/2008	CCQ2603A	8.0	6.4	7.0
34	2126030165	Trần Triệu	Hy	25/02/2008	CCQ2603A	8.2	2.2	4.6
35	2126030067	Phan Minh	Kha	21/09/2007	CCQ2603A	7.4	5.8	6.4
36	2126030069	Trần Quang	Khải	14/04/2008	CCQ2603A	8.2	6.4	7.1
37	2126030010	Trần Võ Gia	Khang	25/10/2008	CCQ2603A	7.9	6.8	7.2
38	2126030042	Bùi Ngọc Bảo	Khanh	12/07/2008	CCQ2603A	8.2	6.4	7.1
39	2126030168	Đoàn Phạm Ngọc Đăng Khoa		10/10/2008	CCQ2603A	8.0	7.6	7.7
40	2126030179	Nguyễn Hoàng	Khương	21/05/2007	CCQ2603A	7.5	6.2	6.7
41	2126030053	Nguyễn Anh	Kiệt	19/07/2006	CCQ2603A	7.9	6.2	6.9
42	2126030166	Nguyễn Chí	Kiệt	22/02/2008	CCQ2603A	8.7	7.2	7.8
43	2126030028	Phạm Tuấn	Kiệt	20/07/2008	CCQ2603A	7.6	6.2	6.8
44	2126030068	Võ Hoàng Anh	Kiệt	14/05/2008	CCQ2603A	7.6	5.6	6.4
45	2126030163	Đậu Quang	Linh	02/03/2008	CCQ2603A	8.1	7.4	7.7
46	2126030174	Đỗ Thành	Lộc	22/01/2008	CCQ2603A	7.7	6.0	6.7
47	2126030190	Lê Thành	Lộc	03/12/2008	CCQ2603A	8.0	7.4	7.7
48	2126030047	Phạm Cát Tấn	Lộc	15/08/2008	CCQ2603A	7.8	7.6	7.7
49	2126030006	Hồ Minh	Luân	10/11/2008	CCQ2603A	8.1	5.8	6.7
50	2126030051	Nguyễn Thanh	Luân	28/03/2008	CCQ2603A	7.5	6.6	7.0
51	2126030175	Thông Thái	Luân	20/07/2008	CCQ2603A	6.7	4.8	5.6
52	2126030013	Tạ Trung	Lương	20/12/2007	CCQ2603A	9.0	5.4	6.8
53	2126030017	Lê Vũ Hoài	Nam	05/12/2008	CCQ2603A	0.0	0.0	0.0
54	2126030181	Trần Nhật	Nam	16/05/2008	CCQ2603A	6.3	6.8	6.6
55	2126030001	Nguyễn Tiến	Nghĩa	05/06/2005	CCQ2603A	8.2	7.0	7.5
56	2126030054	Nguyễn Duy	Nguyên	06/07/2008	CCQ2603A	8.4	8.6	8.5
57	2126030004	Nguyễn Duy	Nhất	28/06/2005	CCQ2603A	8.1	8.0	8.0
58	2126030070	Trần Minh	Nhật	18/10/2006	CCQ2603A	8.1	7.0	7.4
59	2126030033	Lê Minh	Nhựt	30/06/2008	CCQ2603A	7.8	7.2	7.5
60	2126030018	Mai Anh	Nhựt	09/01/2008	CCQ2603A	7.7	7.0	7.3

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
61	2126030052	Nguyễn Đại	Phát	27/12/2006	CCQ2603A	0.0	0.0	0.0
62	2126030191	Võ Tấn	Phát	10/04/2008	CCQ2603A	7.1	5.2	6.0
63	2126030077	Chu Xuân	Phú	20/05/2008	CCQ2603A	8.8	6.2	7.2
64	2126030059	Hồ Ngọc	Phú	11/06/2008	CCQ2603A	7.9	7.2	7.5
65	2126030049	Nguyễn Trường	Phú	29/04/2008	CCQ2603A	0.0	0.0	0.0
66	2126030066	Nguyễn Văn	Quát	19/09/2008	CCQ2603A	6.2	6.4	6.3
67	2126030024	Phạm Lê Duy	Quyền	03/03/2008	CCQ2603A	8.6	7.4	7.9
68	2126030007	Tạ Đức	Quyền	31/12/2008	CCQ2603A	7.4	6.2	6.7
69	2126030048	Đỗ Ngọc	Quyết	10/10/2008	CCQ2603A	7.8	5.4	6.3
70	2126030176	Trần Duy	Ren	18/09/2008	CCQ2603A	6.9	5.6	6.1
71	2126030037	Cao Hữu	Sang	21/10/2007	CCQ2603A	7.9	7.0	7.3
72	2126030050	Trần Tấn	Sang	23/07/2008	CCQ2603A	7.3	8.4	7.9
73	2126030072	Nguyễn Trường	Son	02/01/2008	CCQ2603A	7.2	5.2	6.0
74	2126030172	Phan Thanh	Son	05/02/2008	CCQ2603A	8.1	5.6	6.6
75	2126030171	Phạm Châu Hữu	Thắng	09/08/2007	CCQ2603A	7.7	5.2	6.2
76	2126030169	Phạm Hoàng	Thiên	11/11/2008	CCQ2603A	6.8	5.4	5.9
77	2126030022	Lê Phước	Thiện	21/09/2008	CCQ2603A	7.8	7.2	7.4
78	2126030164	Trần Minh	Tiến	08/10/2008	CCQ2603A	7.6	4.6	5.8
79	2126030058	Nguyễn Đức	Tín	17/12/2008	CCQ2603A	7.8	5.8	6.6
80	2126030043	Nguyễn Thành	Tín	17/06/2008	CCQ2603A	7.2	5.8	6.3
81	2126030029	Võ Đăng	Trí	03/07/2007	CCQ2603A	8.4	6.8	7.4
82	2126030057	Nguyễn Văn	Trực	22/09/2008	CCQ2603A	7.2	5.2	6.0
83	2126030012	Lê Nguyễn Quốc	Trung	25/02/2008	CCQ2603A	6.9	6.2	6.5
84	2126030023	Nguyễn Hoàng Nhựt	Trung	10/06/2008	CCQ2603A	7.6	5.6	6.4
85	2126030076	Lưu Thành	Trường	12/08/2008	CCQ2603A	8.1	7.0	7.4
86	2126030075	Mai Anh	Tuấn	03/01/2008	CCQ2603A	7.7	5.0	6.1
87	2126030015	Nguyễn Đỗ Nhật	Tuấn	11/08/2008	CCQ2603A	7.3	4.4	5.6
88	2126030162	Phạm Anh	Tuấn	04/06/2008	CCQ2603A	7.8	5.4	6.4
89	2126030016	Nguyễn Thanh	Tùng	05/08/2008	CCQ2603A	7.1	6.6	6.8
90	2126030065	Huỳnh Thanh	Tường	09/07/2008	CCQ2603A	8.2	6.6	7.2
91	2126030038	Nguyễn Hoàng	Việt	29/02/2008	CCQ2603A	8.3	7.8	8.0
92	2126030011	Nguyễn Quốc	Việt	21/09/2007	CCQ2603A	8.0	6.6	7.2
93	2126030060	Nguyễn Công	Vinh	30/11/2008	CCQ2603A	7.4	6.6	6.9
94	2126030021	Nguyễn Hồng Hoàng	Vinh	07/11/2008	CCQ2603A	8.0	6.6	7.2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
95	2126030020	Bùi Anh	Vũ	03/04/2008	CCQ2603A	6.4	5.4	5.8
96	2126030063	Nguyễn Công	Vũ	17/11/2008	CCQ2603A	8.1	7.2	7.6
97	2126030046	Nguyễn Huỳnh Lê	Vũ	26/09/2008	CCQ2603A	7.4	6.2	6.7

TP.HCM , ngày 18 tháng 09 năm 2026

GIẢNG VIÊN

Trương Xuân Hùng